TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH
Bản án số: 61/2024/DS-ST
Ngày: 26-4-2024
"V/v Chia di sản thừa kế".

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ toạ phiên tòa: Ông **Nguyễn Thành Chung**.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Võ Văn Hoa Vinh**;
2. Ông **Hoàng Ngọc Phương**.
Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Hồng Tâm**, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.
Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Bích Ngọc** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 598/2023/TLST-DS, ngày 05 tháng 12 năm 2023 về việc "Chia di sản thừa kế" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2024/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Bà Cù Thị N, sinh năm 1957; địa chỉ: Tổ G, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

2. Ông Nguyễn Văn Â, sinh năm 1959; địa chỉ: Tổ H, ấp T, xã T, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

3. Cháu Nguyễn Hoàng Bảo Q, sinh năm 2007; địa chỉ: 2, Nguyễn Văn Đ, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt).

Người giám hộ cho cháu Q: Bà Cù Thị N, sinh năm 1957; địa chỉ: Tổ G, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà N, ông Â: Ông Phạm Trung H, sinh năm 1984; địa chỉ: 4, Nguyễn Cửu P, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- Bị đơn: Bà Phạm Thị T, sinh năm 1981; địa chỉ: Tổ B, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 31/7/2023, Đơn khởi kiện bổ sung ngày 24/8/2023 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn bà Cù Thị N, ông Nguyễn Văn Â là ông Phạm Trung H và cháu Nguyễn Hoàng Bảo Q trình bày:

Bà N là vợ ông Â (đã ly hôn năm 2005), cháu Q là cháu nội của bà N, ông Â và là con của chị T, anh Nguyễn Thành P1 (anh P1 là con bà N, ông Â, đã chết ngày 27/11/2008, không để lại di chúc). Di sản của anh P1 để lại chỉ có phần giá trị tăng thêm của phần đất diện tích 81,5 m^2 tại thửa đất số 284, tờ bản đồ 18, tọa lạc tại Tổ B, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01930 do UBND huyện T, tỉnh Tây Ninh cấp cho chị T ngày 14/7/2014, trên đất có 01 căn nhà cấp 4 do chị T đang ở có giá trị là 705.000.000 đồng. Số tiền 705.000.000 đồng này được xác định theo Bản án dân sự phúc thẩm số 276 ngày 17/5/2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã có hiệu lực pháp luật để giải quyết vụ án đòi lại tài sản là nhà, đất giữa chị Nguyễn Thị Ngọc N1 (là em ruột anh P1) và chị T. Hiện nay, chị T phải thi hành án cho bà N với số tiền 450.000.000 đồng, phải thi hành cho chị N1 số tiền 795.000.000 đồng theo Bản án dân sự phúc thẩm số 276 ngày 17/5/2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh nhưng không có tiền để thi hành, chị T chỉ có tài sản duy nhất là giá trị 01 kỷ phần thừa kế trong số tiền 705.000.000 đồng là giá trị tăng thêm của nhà, đất trên nên sẽ không có điều kiện để thi hành án nếu được nhận nhà, đất.

Nay ông đại diện cho bà N, ông Â cùng cháu Q yêu cầu bà T có nghĩa vụ thanh toán lại cho bà N, ông Â, cháu Q mỗi người 176.250.000 đồng tương ứng với 01 kỷ phần thừa kế của những người này được hưởng trong khối di sản do ông P1 để lại. Bà N yêu cầu được nhận nhà, đất và giao tiền lại cho ông Â, chị T, cháu Q. Ông không yêu cầu đo đạc, định giá lại di sản của ông P1 mà dùng kết quả xác định giá trị di sản của ông P1 trong Bản án dân sự phúc thẩm số 276 ngày 17/5/2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh để giải quyết vụ án này. Ngoài ra, ông không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn chị Phạm Thị T trình bày:

Ông Â, bà N là cha mẹ chồng, Q là con chị. Chồng chị tên Nguyễn Thành P1 đã chết ngày 27/11/2008, không để lại di chúc. Chị và anh P1 có 01 con chung là Q, từ khi Q học mẫu giáo thì đã sinh sống với cô ruột tên N2 ở Thành phố Hồ Chí Minh. Chị đồng ý việc bà N làm người giám hộ cho Q. Hàng thừa kế thứ nhất của anh P1 gồm ông Â, bà N, Q và chị, ngoài ra không còn ai khác. Di sản của anh P1 để lại chỉ có phần đất diện tích 81,5 m^2 tại thửa đất số 284, tờ bản đồ 18, tọa lạc tại Tổ B, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01930 do UBND huyện T, tỉnh Tây Ninh cấp cho chị ngày 14/7/2014, trên đất có 01 căn nhà cấp 4 do chị đang ở. Nguồn gốc đất do cậu ruột anh P1 là Cù Tuấn N3 bán lại cho anh P1 trước khi chung sống với chị. Trước đây chị đã từng thấy qua giấy mua bán đất đó nhưng khi chị N1 tranh chấp với chị thì bà N đã giấu giấy đó đi, làm lại giấy mua bán khác để kiện. Mặc dù vụ án đã được Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm bằng bản án có hiệu lực pháp luật nhưng chị vẫn không đồng ý

nên đã gởi đơn yêu cầu kháng nghị giám đốc thẩm cho Viện kiểm sát nhân dân tối cao tại Hà Nội để xem xét lại vụ án cho chị vào ngày 22/11/2023, đến nay chưa có quyết định kháng nghị hay kết quả trả lời gì của Viện kiểm sát, chị cũng chưa thi hành án. Lý do chị được đứng tên đất này là sau khi anh P1 chết thì vào ngày 21/4/2014, gia đình đã làm văn bản thỏa thuận phân chia tài sản thừa kế thống nhất cho chị được thừa hưởng toàn bộ nhà đất trên.

Giả sử yêu cầu kháng nghị giám đốc thẩm của chị không được chấp nhận thì chị đồng ý chia thừa kế theo pháp luật phần di sản của anh P1 để lại theo Bản án của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xác định là 705.000.000 đồng cho chị, Q, ông Â, bà N mỗi người một phần bằng nhau; chị yêu cầu nhận nhà, đất và giao lại tiền cho Q, ông Â, bà N, chị cũng không yêu cầu đo đạc, định giá lại. Chị yêu cầu Tòa án tạm đình chỉ giải quyết vụ án này để chờ kết quả giải quyết đơn yêu cầu giám đốc thẩm của chị. Ngoài ra, chị không yêu cầu gì khác.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các 649, 650, 651, 658, 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án để xử theo hướng:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N, ông Â, cháu Q về việc tranh chấp chia di sản thừa kế đối với chị T. Di sản thừa kế của anh P1 được chia làm 04 phần bằng nhau, trong đó: Bà N, ông Â, cháu Q, chị T mỗi người được chia một phần với số tiền 176.250.000 đồng. Giao cho chị T nhà, đất; chị T có nghĩa vụ trả cho 03 đồng thừa kế còn lại giá trị kỷ phần mà họ được hưởng.

+ Buộc chị T, cháu Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bà N, ông Â được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận công khai tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Cháu Nguyễn Hoàng Bảo Q vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bà Cù Thị N, ông Nguyễn Văn Â vắng mặt có ông Phạm Trung H đại diện có mặt. Hội

đồng xét xử căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt cháu Q, bà N, ông Â.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án chị T yêu cầu Tòa án tạm đình chỉ giải quyết vụ án để chờ kết quả giải quyết Đơn yêu cầu Giám đốc thẩm của chị tại Viện kiểm sát nhân dân tối cao nhưng yêu cầu này của chị không phù hợp với quy định tại Điều 214 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử không chấp nhận và tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung tranh chấp: Tại phiên tòa, ông H đại diện cho bà N, ông Â, cháu Q thay đổi yêu cầu khởi kiện là yêu cầu chị T có nghĩa vụ thanh toán lại cho bà N, ông Â, cháu Q mỗi người 176.250.000 đồng tương ứng với 01 kỷ phần thừa kế của những người này được hưởng trong khối di sản do anh P1 để lại. Quá trình giải quyết vụ án chị T thống nhất chia di sản thừa kế của anh P1 theo quy định của pháp luật, yêu cầu được nhận nhà, đất nhưng tại phiên tòa, chị yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Xét yêu cầu của các đương sự thấy rằng:

[2.1] Về thời điểm mở thừa kế và di sản thừa kế: Căn cứ vào Giấy chứng tử của anh P1 và lời thừa nhận của các bên đương sự có đủ căn cứ xác định anh P1 chết vào ngày 27/11/2008 nên thời điểm mở thừa kế đối với di sản của anh P1 là ngày 27/12/2008, nay các đương sự đều có yêu cầu chia di sản của anh P1 để lại là phù hợp. Các đương sự cũng thừa nhận anh P1 chết không để lại di chúc nên di sản yêu cầu chia trong vụ án này là số tiền 705.000.000 đồng được xác định theo Bản án dân sự phúc thẩm số 276 ngày 17/5/2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã có hiệu lực pháp luật sẽ được chia theo quy định của pháp luật.

[2.2] Về xác định hàng thừa kế: Các đương sự đều thừa nhận anh P1 có 01 người con là cháu Q; chị T là vợ anh P1 có đăng ký kết hôn ngày 23/10/2012 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; ông Â và bà N là cha, mẹ ruột của anh P1 nên những người này được xác định là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của anh P1. Như vậy, Hội đồng xét xử xác định người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của anh P1 có 04 người gồm chị T, ông Â, bà N, cháu Q.

[2.3] Về xác định số kỷ phần thừa kế và phân chia di sản thừa kế: Do di sản của anh P1 được phân chia theo pháp luật nên được chia làm 04 kỷ phần bằng nhau. Trong đó, chị T, ông Â, bà N, cháu Q mỗi người được chia 01 kỷ phần. Số tiền 705.000.000 đồng là một phần giá trị tăng thêm của phần đất diện tích 81,5 m^2 tại thửa đất số 284, tờ bản đồ 18, tọa lạc tại Tổ B, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01930 do UBND huyện T, tỉnh Tây Ninh cấp cho chị T ngày 14/7/2014, trên đất có 01 căn nhà cấp 4 do chị T đang ở. Nay chị T đang quản lý sử dụng nhà đất nên chị T có nghĩa vụ giao lại cho ông Â, bà N, cháu Q mỗi người 01 kỷ phần thừa kế với số tiền 176.250.000 đồng; bà N là người nhận thay cho cháu Q số tiền này là phù hợp.

[2.4] Từ những nhận định trên và yêu cầu tạm đình chỉ giải quyết vụ án của chị T không được chấp nhận, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N, ông Â, cháu Q về việc chia di sản thừa kế: Buộc chị T có nghĩa vụ giao lại

cho bà N, ông Â, cháu Q mỗi người 176.250.000 đồng; bà N là người nhận thay cho cháu Q số tiền này.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Chị T, cháu Q mỗi người phải chịu 8.812.500 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm vì khi xét xử cháu Q đã trên 16 tuổi. Bà N, ông Â được miễn án phí dân sự sơ thẩm vì là người cao tuổi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các các Điều 609, 611, 612, 613, 649, 650, 651, 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Cù Thị N, ông Nguyễn Văn Â, cháu Nguyễn Hoàng Bảo Q đối với chị Phạm Thị T về việc Chia di sản thừa kế.

Buộc chị Phạm Thị T có nghĩa vụ giao lại cho bà Cù Thị N, ông Nguyễn Văn Â, cháu Nguyễn Hoàng Bảo Q mỗi người với số tiền là 176.250.000 (một trăm bảy mươi sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng; bà Cù Thị N là người được nhận thay cho cháu Nguyễn Hoàng Bảo Q số tiền này.

Kể từ ngày bà N, ông Â, cháu Q có đơn yêu cầu thi hành án nếu chị T không thi hành số tiền trên, thì hàng tháng chị T còn phải trả cho bà N, ông Â, cháu Q số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Chị Phạm Thị T, cháu Nguyễn Hoàng Bảo Q mỗi người phải chịu 8.812.500 (tám triệu tám trăm mười hai nghìn năm trăm) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Bà Cù Thị N, ông Nguyễn Văn Â được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho bà N, ông Â, chị T biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng cháu Q có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

***Nơi nhận**:*
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Chung